

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHI VIỆT NAM GIA NHẬP WTO

NGUYỄN VĂN Y^(*)

Công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam là ngành kinh tế mũi nhọn được Nhà nước ưu tiên, quan tâm hỗ trợ và khuyến khích phát triển. Bởi vì, công nghệ thông tin và truyền thông là công cụ quan trọng hàng đầu để thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ, hình thành xã hội thông tin, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông ở mọi lĩnh vực là yếu tố có ý nghĩa chiến lược, góp phần tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và tăng năng suất, hiệu suất lao động. Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật lớn nhất nước. Vì vậy việc nghiên cứu hiện trạng, đánh giá kết quả trong thời gian qua đồng thời định hướng những giải pháp phát triển công nghệ thông tin và truyền thông thời gian tới là một công việc mang tính chiến lược, cấp bách và cần thiết, đặc biệt khi Việt Nam chính thức là thành viên của WTO.

1. HIỆN TRẠNG VÀ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN-TRUYỀN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 2001-2005

1.1. Triển khai tin học hóa quản lý Nhà nước - Hồ Chí Minh CityWeb và xây dựng cổng

thông tin điện tử thành phố. Năm 2001 khai trương trang Web của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (www.hochiminhcity.gov.vn), tháng 4 năm 2005 có phiên bản tiếng Anh của trang Web Thành phố Hồ Chí Minh (www.hochiminhcity.gov.vn/en). Hồ Chí Minh CityWeb có 62 thành viên; tốc độ đường truyền 100 Mb/s, bảo đảm phục vụ tốt người truy cập, phục vụ tác nghiệp và phát triển thành viên mới. Hồ Chí Minh CityWeb được xếp hạng 6.500 trong số hàng triệu Website của thế giới và là website hành chính nhà nước dẫn đầu về số lượng người truy cập tại Việt Nam (trên 9 triệu lượt người/tháng). Hiện nay, xây dựng Cổng thông tin điện tử của thành phố nhằm tích hợp Hồ Chí Minh CityWeb, Hệ thư tín điện tử và các hệ thống thông tin điện tử cơ bản hướng đến việc xây dựng chính phủ điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xây dựng hệ thống thư điện tử và các dịch vụ tiện ích. Hệ thống thư điện tử được Trung tâm Tin học Văn phòng Ủy ban Nhân dân Thành phố xây dựng và cấp hơn 6.000 hộp thư, trong đó có khoảng 5.300 hộp thư cá nhân cho cán bộ, công chức và 91 hộp thư đơn vị cấp thành phố, quận huyện, sở ngành; 317 hộp thư đơn vị cấp phường xã; 450 hộp thư đơn vị cấp phòng ban, đơn vị trực thuộc. Bên cạnh đó cũng đã triển khai hệ thống dịch vụ truyền thông trực tuyến (chat, voice, webcam) đến Văn phòng Hội đồng Nhân

(*) Thạc sĩ. Trưởng Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

dân và Ủy ban Nhân dân Thành phố và 35 sở-ngành, quận huyện để trao đổi chia sẻ thông tin, góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý nhà nước.

- Triển khai các phần mềm dùng chung hệ thống thông tin điện tử của Đề án 112 Chính phủ, đã hoàn tất giai đoạn 1 cho khoảng 52 đơn vị. Hệ quản lý văn bản và hồ sơ công việc: 29 sở ngành và 24 quận huyện. phiên bản phần mềm mới (ngày 08/8/2006) đã đáp ứng tốt yêu cầu vận hành hệ thống của đơn vị, nhận văn bản, xử lý và phát hành văn bản trên mạng. Hệ thống thông tin kinh tế xã hội phục vụ điều hành: 17 sở ngành và 21 quận huyện, các đơn vị khác chưa tiếp nhận do hạ tầng yếu, thiếu nhân sự. Hiện có 27 đơn vị đã vận hành và nhập số liệu vào hệ thống. Số liệu sau khi các đơn vị nhập vào hệ thống được tích hợp trên Trung tâm Tích hợp Dữ liệu Thành phố và Cổng thông tin điện tử của Chính phủ. Trang thông tin điện tử phục vụ điều hành: 20 đơn vị đưa hệ thống vào vận hành, các đơn vị khác chưa vận hành do thiếu nhân sự.

Hiện nay, dự án “Cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp thành phố” xây dựng phần mềm và thử nghiệm tại Ban quản lý Khu chế xuất và Khu công nghiệp thành phố. Dự án “Hệ thống thông tin phục vụ cấp phép xây dựng” và dự án “Hệ thống thông tin phục vụ y tế” khảo sát phân tích, phân tích thiết kế trình Ban điều hành Đề án 112 Chính phủ thẩm định. Xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Đề án 112 thành phố xây dựng giải pháp khả thi các hệ thống cơ sở dữ liệu như: Dân cư, Doanh nghiệp, Quản lý cán bộ công chức, Văn bản pháp quy, Ngân sách và tài

sản công, Lao động thương binh và xã hội, Hạ tầng đô thị (GIS).

1.2. Thành lập chợ thiết bị công nghệ, phần mềm và dịch vụ tư vấn trên mạng

Năm 2001, hình thành chợ thiết bị công nghệ trên mạng, chợ phần mềm, chợ tư vấn công nghệ, quản lý trên mạng. Hiện nay hơn 2.000 thiết bị, giải pháp và dịch vụ tư vấn đang được chào bán trên mạng (www.techmart-online@-hochiminhcity.gov.vn). Chợ bất động sản tạo được nơi cung cấp các thông tin cho giao dịch nhà đất của người dân được an toàn, hoàn tất các thủ tục cho người dân (www.nhadattphcm.gov.vn).

1.3. Phát triển doanh nghiệp và công nghệ thông tin-truyền thông

- Năm 2000, có khoảng 80 doanh nghiệp về công nghệ thông tin với tổng doanh số ước đạt 150 triệu USD, nay thành phố có khoảng 3.200 doanh nghiệp đăng ký hoạt động công nghệ thông tin-truyền thông.

Năm 2005

doanh số các doanh nghiệp phần mềm ước đạt 85 triệu USD	} 355 triệu USD	} 610 triệu USD
(trong đó xuất khẩu khoảng 22 triệu USD)		
doanh số các doanh nghiệp phần cứng (400 doanh nghiệp) ước đạt 270 triệu USD		
doanh số dịch vụ viễn thông của Bưu điện thành phố ước đạt 255 triệu USD		

(Mục tiêu đặt năm 2002 cho 2005: Phần mềm 250 triệu USD, phần cứng 300 triệu USD). Năm 2000, thành phố không có doanh nghiệp công nghệ thông tin nào có 100 nhân viên. Năm 2005, có nhiều công ty công nghệ thông tin-truyền thông có số lao động lớn (xem bảng 1).

- Năm 2000, phần mềm do các doanh nghiệp Việt Nam làm ra chưa xuất khẩu được, đến nay đã cung cấp cho các doanh nghiệp ở 12

Bảng 1. Các công ty công nghệ thông tin-truyền thông có số lao động lớn tại thành phố Hồ Chí Minh

Công ty	Số nhân viên	Loại hình hoạt động	Ghi chú
1. Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh	5000 (viễn thông, phần mềm)	Doanh nghiệp Nhà nước/đa ngành Doanh số: 18.000 USD/người/năm	Hợp đồng hợp tác kinh doanh với France Telecom
2. FPT - HCM	700 (phần mềm, viễn thông) (tổng số 1550)	Công ty cổ phần/đa ngành Doanh số (phần mềm và viễn thông): 25.000USD/người/năm	Trụ sở chính: Hà Nội, tổng nhân viên: 4000
3. TMA	550	Doanh nghiệp tư nhân/phần mềm Doanh số: 12.000USD/người/năm	Có sự hỗ trợ của người Việt ở nước ngoài
4. Viettel-HCM	500	Doanh nghiệp Nhà nước/viễn thông	Thuộc Bộ Quốc phòng, trụ sở chính Hà Nội, tổng nhân viên 2000
5. SilkRoad	400	Doanh nghiệp nước ngoài Hongkong/phần mềm	
6. PSV	350	Doanh nghiệp nước ngoài Mỹ/phần mềm	Có công ty mẹ với người Việt điều hành
7. Global Cybersoft	300	Doanh nghiệp nước ngoài Mỹ/phần mềm	Có công ty mẹ với người Việt điều hành
8. DigITEXX	300	Doanh nghiệp nước ngoài Đức/dịch vụ số hóa	Trong Công viên Phần mềm Quang Trung
9. NetSoft	250	Doanh nghiệp nhà nước /phần mềm -Internet	Thuộc VNPT
10. Saigon Postel	216 (viễn thông)	Công ty cổ phần Doanh số: 37.315USD/người/năm	
Tổng số người	7.765		

nước trên thế giới (Mỹ, Nhật, Bỉ, Đức, Pháp, Anh, Hàn Quốc, Singapore,...). Lĩnh vực gia công mới đã hình thành và thu hút nhiều nhân lực như: thiết kế mạch điện tử, hệ thống tự động, xuất khẩu xử lý dữ liệu (call center, data center, BPO). Công ty PSV và FPT Software đạt chứng chỉ CMM bậc 5, Công ty SilkRoad và TMA đạt chứng chỉ CMM bậc 4.

- Hoạt động tiếp thị công nghệ thông tin-truyền thông: năm 2001 đến 2005 thành phố đã tổ chức 5 chợ phần mềm, với sự tham gia của 467 lượt doanh nghiệp chào bán 1.740 lượt giải pháp, phần mềm. Hiện nay chợ phần mềm trên mạng (techmart-online@hochiminhcity.gov.vn) có 144 doanh nghiệp đang chào bán 894 giải pháp và phần mềm, mỗi tháng 150.000 lượt truy cập.

- Các khu phần mềm lớn của thành phố: Công viên Phần mềm Sài Gòn (SSP); Cao ốc Điện tử (E-town) của Công ty cổ phần Cơ

điện lạnh (REE); Công viên Phần mềm Quang Trung (Quang Trung Software City).

1.4. Đào tạo nhân lực công nghệ thông tin-truyền thông

5 năm qua đã hình thành 18 trung tâm đào tạo chương trình 2 năm (Diploma) về công nghệ thông tin của nước ngoài (Aptech-Ấn Độ, NIIT-Ấn Độ, Informatics-Singapore, Kent-Úc, Saigon Tech-Houston Community College Mỹ, Tata Infotech-Ấn Độ, Victoria-Úc, Arena-Ấn Độ) với số sinh viên tốt nghiệp hàng năm khoảng 3.000; 25 trung tâm Đào tạo theo chứng chỉ nước ngoài (ngắn hạn) của Microsoft, Cisco, Oracle, Cadence, New Horizons với khoảng 5.000 người tốt nghiệp mỗi năm và 20 trung tâm đào tạo của thành phố cho ra trường hàng năm 2.000 kỹ thuật viên, 15.000 chuyên viên công nghệ thông tin-truyền thông, trong đó trình độ đại học, cao đẳng khoảng 3.000, thạc sĩ khoảng 200.

Trình độ, nhận thức, kỹ năng về công nghệ thông tin của cán bộ công chức thành phố, cũng như trình độ chuyên môn của cán bộ kỹ thuật về công nghệ thông tin được nâng lên thông qua các chương trình đào tạo về quản trị mạng, đào tạo qua chương trình thuộc Đề án 112 Chính phủ và các khóa tập huấn ngắn hạn phục vụ việc vận hành và khai thác các hệ thống thông tin điện tử.

1.5. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông và khai thác Internet

Năm 2000, thành phố có 2 nhà cung cấp dịch vụ viễn thông (VNPT, SPT), nay đã có thêm Viettel. Số thuê bao Internet tăng từ 20.000 năm 2000 lên khoảng 840.000 năm 2005 (tăng 42 lần), đạt tỷ lệ sử dụng ở mức 13% dân số, xấp xỉ mức bình quân toàn thế giới (13,9%), cao hơn mức bình quân châu Á (8,4%). Điện thoại cố định hiện nay có khoảng 1,7 triệu thuê bao, di động khoảng 2,5 triệu, đạt tỷ lệ 52 điện thoại/100 dân, gấp 3,25 lần so với năm 2000 (16 điện thoại/100 dân), gấp 4 lần bình quân cả nước hiện nay (13 máy/100 dân). Thành phố hiện có hơn 40.000 thuê bao ADSL. Dung lượng kết nối Internet đạt 2,3 GBps.

Cước điện thoại quốc tế đường dài hiện ở mức khoảng 50 cent/phút (7.864 đồng/phút) so với năm 2000 giảm 4 lần, cước Internet bình quân 0,5cent/phút (80 đồng/phút), so năm 2000 giảm 2,5 lần. Cước điện thoại di động của Việt Nam hiện nay (từ 01/5/2004) thấp hơn bình quân khu vực khoảng 50%, nhưng còn cao hơn một số nước như Thái Lan, Trung Quốc, Phillipines, Malaysia. Cước thuê kênh Việt Nam thời điểm tháng 5/2004 thấp hơn 1% mức trung bình của các nước khu vực châu Á, chỉ còn cao hơn Hongkong và gần bằng với mức của Trung

Quốc. Cước sử dụng Internet 1 tháng của Việt Nam (không bao gồm cả thông tin điện thoại nội hạt) cao hơn so với Thái Lan 55% (theo cước của Viettel) và 5,07% (theo cước của VNPT).

1.6. Đẩy mạnh-tuyên truyền, cổ vũ phát triển công nghệ thông tin-viễn thông

Tạp chí Thế giới Vi tính Việt Nam (PC World Viet Nam) năm 1992, phát hành 1.500 bản/kỳ, 32 trang, tăng lên 60.000 bản/kỳ, 160-190 trang. Năm 2000, phát hành Thế giới Vi tính B, dành cho lãnh đạo doanh nghiệp và quản lý nhà nước, 15.000 bản/kỳ, 60 trang. Năm 2003 phát hành Thế giới Vi tính Game, 40.000/kỳ, 60 trang. Năm 1997 phát hành Niên giám Công nghệ thông tin Việt Nam, 10.000 bản/năm, 450 trang. Năm 2005 Thời báo Vi tính Sài Gòn (hợp tác giữa Tập đoàn IDG và Thời báo Kinh tế Sài Gòn).

Nhìn chung đánh giá phát triển 5 năm 2001-2005 về công nghệ thông tin-truyền thông là giai đoạn khởi động của thành phố thể hiện trên các điểm chính sau.

1.6.1. Sáu điểm mạnh của công nghệ thông tin thành phố

- 1) Chính quyền và Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh có quyết tâm cao để đầu tư và phát triển công nghệ thông tin và viễn thông;
- 2) Thành phố Hồ Chí Minh đã trở thành một trong hai trung tâm công nghệ thông tin-truyền thông lớn nhất nước, bước đầu có thương hiệu trong giới công nghệ thông tin-truyền thông quốc tế (Mỹ, Nhật Bản, châu Âu, ASEAN). Sự phát triển kinh tế-xã hội ở thành phố tạo nên thị trường nội địa lớn nhất về phần cứng và phần mềm cho công nghệ thông tin thành phố;
- 3) Mật độ các doanh nghiệp và cơ quan đào tạo, nghiên cứu về công nghệ thông tin lớn nhất cả nước;
- 4) Vị trí địa lý của thành phố thuận lợi cho hợp tác

phát triển công nghệ thông tin (với các thị trường châu Á-Thái Bình Dương, Mỹ, châu Âu); 5) Chi phí lao động thấp so với các nước khác (chỉ bằng 1/20 của Mỹ và 1/7 của Ấn Độ); 6) Khả năng học và thích ứng cao của người Việt Nam.

1.6.2. Năm điểm yếu của công nghệ thông tin thành phố

1) Chất lượng đào tạo và số lượng đào tạo chuyên gia về công nghệ thông tin không theo kịp nhu cầu thực tiễn trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu; 2) Trình độ tiếng Anh yếu là một hạn chế lớn, kéo dài làm ảnh hưởng năng lực làm việc và học tập của người làm công nghệ thông tin; 3) Trình độ đội ngũ quản lý trong các doanh nghiệp công nghệ thông tin còn yếu, thiếu kinh nghiệm tiếp cận thị trường quốc tế, quản lý chất lượng; 4) Chưa có cơ chế, phương thức phát huy, liên kết các doanh nghiệp công nghệ thông tin với nhau, với các chuyên gia nghiên cứu về công nghệ thông tin để phát triển nhanh và rẻ sản phẩm công nghệ thông tin; 5) Vi phạm sở hữu trí tuệ ở mức độ rất cao, ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp phần mềm trong nước và hạn chế đầu tư nước ngoài về công nghệ thông tin.

1.6.3. Bốn thời cơ

1) Áp lực cạnh tranh cao, xu thế phá sản của nhiều công ty ở các nước phát triển buộc họ phải chuyển qua sử dụng lao động rẻ ở những nước có thu nhập thấp như Việt Nam để giảm chi phí; 2) Nhu cầu các sản phẩm phần cứng và phần mềm vẫn ngày một tăng, thị trường ngày càng lớn tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam bán sản phẩm và dịch vụ cho các thị trường trong nước và xuất khẩu; 3) Nhiều cơ hội hợp tác quốc tế thông qua chương trình của chính phủ, tổ chức quốc tế

và các công ty nước ngoài, tăng cường hợp tác đào tạo, chuyển giao công nghệ, hiện đại hóa sản xuất; 4) Người Việt Nam ở nước ngoài giữ nhiều vị trí quan trọng trong các công ty, chính phủ nên cần có sự hợp tác, mở rộng thị trường hoạt động.

1.6.4. Hai thách thức

1) Sự xa cách về địa lý, khác biệt về văn hóa giữa lực lượng lao động công nghệ thông tin ở Việt Nam và các thị trường nước ngoài, trong khi yêu cầu là phải phục vụ nhu cầu thị trường nhanh nhất, rẻ nhất, tốt nhất; 2) Các quốc gia, các công ty đa quốc gia ở khu vực đang nỗ lực rất lớn để phát triển công nghệ thông tin, cạnh tranh với Việt Nam từng ngày từng giờ.

2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN-TRUYỀN THÔNG CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN 2010

Thành phố Hồ Chí Minh phát triển công nghệ thông tin-truyền thông dựa trên chương trình quốc gia về phát triển công nghệ thông tin-truyền thông đến 2010 và định hướng đến 2020, bao gồm:

2.1. Chín giải pháp

1) Nâng cao nhận thức về vai trò của công nghệ thông tin-truyền thông và nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin-truyền thông cho toàn dân; 2) Nhà nước hỗ trợ, nâng cao năng lực kinh tế, xã hội, năng lực thực hiện; 3) Tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý Nhà nước về công nghệ thông tin-truyền thông; 4) Thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các công ty đa quốc gia kinh doanh lâu dài tại Việt Nam; 5) Phát triển và nuôi dưỡng nguồn nhân lực cho công nghệ thông tin-truyền thông; 6) Phát triển hệ thống nghiên cứu triển khai; 7) Từng bước hoàn thiện môi trường hỗ trợ phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin-truyền thông trong

nước; 8) Tăng cường hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế; 9) Phát triển thị trường công nghệ thông tin-truyền thông.

2.2. Năm chương trình hành động

1) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin-truyền thông, phát triển Chính phủ điện tử; 2) Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin-truyền thông; 3) Phát triển hạ tầng viễn thông và Internet; 4) Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin-truyền thông; 5) Xây dựng môi trường thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin-truyền thông.

2.3. Bốn nhóm dự án ưu tiên cấp quốc gia

1) Xây dựng nền tảng cho phát triển công dân điện tử; 2) Xây dựng nền tảng cho phát triển Chính phủ điện tử; 3) Xây dựng nền tảng cho phát triển năng lực truy cập thông tin và tri thức; 4) Tăng cường năng lực quản lý công nghệ thông tin-truyền thông quốc gia.

2.4. Thành phố cần nhấn mạnh và tập trung triển khai 3 giải pháp sau.

1) Hình thành cơ chế liên kết doanh nghiệp-nhà trường-nhà nước để đào tạo đón đầu nhu cầu nhân lực công nghệ thông tin-truyền thông theo đặt hàng của doanh nghiệp, thực hiện phương châm: “Doanh nghiệp cần bao nhiêu nhân lực, trình độ gì, lúc nào cũng được đáp ứng”; 2) Triển khai chương trình “Thông tin thị trường, tư vấn và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ thông tin-truyền thông”. Hình thành trang Web về công nghệ thông tin-truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có chức năng giới thiệu nguồn lực công nghệ thông tin-truyền thông của thành phố để bà con kiều bào ở nước ngoài có thể tham gia cùng thành phố; 3) Thiết kế và triển khai dự án “Hạ tầng điều khiển Thành phố Hồ Chí Minh”, thành lập Viện Khoa học và Công nghệ tính toán thành phố.

Tóm lại, công nghệ thông tin và truyền thông là một trong các động lực quan trọng của sự phát triển, cùng với một số ngành công nghệ cao khác đang làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội hiện đại. Đồng thời nó còn đóng vai trò ngày càng quan trọng trong cuộc sống hàng ngày của con người, làm biến đổi sâu sắc cách thức làm việc, giải trí và thay đổi các nguyên tắc tiến hành kinh doanh. Trên bình diện chính phủ, các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông hứa hẹn việc cung cấp dịch vụ và dịch vụ công cho người dân sẽ trở nên tốt hơn và hướng đến việc xây dựng chính phủ điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh nhằm thực hiện tối vai trò “đi trước, về trước” với yêu cầu hội nhập quốc tế, đồng thời xây dựng phát triển công nghệ thông tin-truyền thông của Thành phố trở thành một ngành kinh tế chủ lực có hiệu quả kinh tế cao đóng góp ngày một nhiều cho thu nhập nội địa của Thành phố đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tạp chí Thế giới Vi tính Việt Nam (PC World Việt Nam) số A và B năm 2005, năm 2006.
2. Thời báo Vi tính Sài Gòn năm 2005 và năm 2006.
3. Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg, ngày 6 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020”.
4. Quyết định số 06QĐ/TW, ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X ban hành Đề án “Tin học hóa hoạt động các cơ quan Đảng giai đoạn 2006-2010”.
5. Luật Công nghệ Thông tin của Quốc hội Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 67/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006.